

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DSST

Ngày 17/9/2024

“Vv: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bé Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Ngọc Oanh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh
Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 350/2023/TLST-DS ngày
14/11/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST - DS, ngày 02 tháng 8 năm
2024; Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-DS ngày 28/8/2024, giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T** (Có mặt);

Địa chỉ: **Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Văn V**, bà **Nguyễn Thị L** (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

3. Người làm chứng: Bà **Trần Thị H** (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa,
nguyên đơn bà **Phạm Thị T** trình bày:

Ngày 19/5/2009 bà **Phạm Thị T** có mua của vợ chồng ông **Hoàng Văn V**, bà **Nguyễn Thị L** một thửa đất diện tích $18m \times 45m = 810m^2$ tại **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**. Thửa đất có tứ cận:

Phía Đông giáp đất bà **T**; Phía Tây giáp đất ông **T1**; Phía Nam giáp lô cao su; Phía Bắc giáp đất ông **N**.

Hai bên thỏa thuận giá sang nhượng là 6.500.000 đồng/met. Tổng số tiền sang nhượng là 117.000.000đ (*Một trăm mười bảy triệu*). Bên ông **V** có trách nhiệm làm bì đồ giao cho bà **T**, còn bà **T** có trách nhiệm giao đủ số tiền sang nhượng cho ông **V**, bà **L**. Sau khi thỏa thuận, cùng ngày bà **T** đã giao đủ số tiền sang nhượng trên cho ông **V**, bà **L** và ông **V**, bà **L** đã nhận số tiền trên đồng thời chuyển đi nơi khác và bàn giao lại đất cho bà **Thanh quản L1** từ khi mua đến nay.

Mặc dù bà **T** đã nhiều lần yêu cầu ông **V**, bà **L** làm thủ tục sang tên phần diện tích đất mà bà **T** đã mua tại cơ quan có thẩm quyền nhưng ông **V**, bà **L** không hợp tác. Đến ngày 14/10/2011 **UBND huyện C** gar đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 952499 tại thửa 301, tờ bản đồ 36 tại **xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk** cho ông **Hoàng Văn V**, bà **Nguyễn Thị L** nhưng ông **V** và bà **L** lấy lý do bà **T** còn nợ 10.000.000đ tiền chuyển nhượng nên không đồng ý sang tên quyền sử dụng đất.

Vì vậy, bà **T** yêu cầu Toà án giải quyết, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, buộc ông **Hoàng Văn V**, bà **Nguyễn Thị L** phải tách thửa, sang tên phần diện tích $18m \times 45m = 810m^2$ cho bà **T**, nằm trong thửa đất số 301, tờ bản đồ số 36 tại **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 952499 do **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp ngày 14/10/2011 để bà **Thanh quản L1**, sử dụng theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông V, bà L trình bày:**

Ngày 19/5/2009 vợ chồng tôi có bán cho bà **T** phần đất có diện tích $18m \times 45m = 810m^2$ nằm trong thửa 301, tờ bản đồ 36, diện tích 1.092m tại **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk** với giá thỏa thuận là 6.500.000 đồng/1m ngang mặt đường. Giấy mua bán tay là do bà **Trần Thị H** trú tại **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk** viết và ký dưới phần người làm chứng. Phần chữ ký và chữ viết trong giấy sang nhượng của bên bán đúng là chữ ký và chữ viết của vợ chồng tôi.

Cùng ngày, vợ chồng tôi chuyển nhượng phần đất còn lại diện tích $6m \times 45m = 270m^2$ nằm trong thửa 301 nói trên cho ông **Trần Văn T1** là em trai của bà **Trần Thị H**. Thực chất thửa đất này là do bà **H** mua lại của vợ chồng tôi nhưng cho ông **Trần Văn T1** đứng tên. Các bên mua bán cùng thống nhất sau khi ký giấy mua bán thì bà **H** còn giữ lại 10.000.000 đồng để khi nào làm xong bì đồ, tách thửa ra tên ông **T1**, bà **L** sẽ giao đủ tiền.

Sau khi mua bán với bà T, ông T1, ngày 14/10/2011 vợ chồng tôi được UBND huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 952499, thửa 301, tờ bản đồ 36 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thì tôi có ý kiến như sau: Tôi chấp nhận sang tên phần diện tích đất đã bán cho bà Phạm Thị T theo giấy mua bán ngày 19/5/2009, tuy nhiên phía bà T, ông T1 chưa trả cho vợ chồng tôi 10.000.000 đồng tại thời điểm đó. Vì trượt giá đồng tiền, nay tôi yêu cầu bà T trả lại cho tôi 80.000.000 đồng và phía gia đình ông T1 trả cho tôi 20.000.000 đồng. Sau khi bà T trả tiền cho tôi, tôi sẽ có trách nhiệm tách thửa thửa đất cho bà T.

*** Người làm chứng bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày:**

Tôi và bà Phạm Thị T, ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị L có mối quan hệ hàng xóm láng giềng, không phải quan hệ anh em họ hàng với nhau. Ngày 19/5/2009, bà Phạm Thị T và vợ chồng ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị L có lập giấy sang nhượng lô cư có nội dung là ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị L sang nhượng cho bà Phạm Thị Thanh M lô đất mặt đường cao su có chiều rộng 18m, chiều dài 45m, trong đó có 50m đất ở ổn định. Phía Đông giáp đất nhà bà T; Phía Tây giáp đất ông T1; Phía Nam giáp lô cao su; Phía Bắc giáp đất ông N. Tôi là người viết giấy cho hai bên chuyển nhượng, và chữ ký dưới mục người làm chứng là của tôi. Hai bên thỏa thuận số tiền sang nhượng diện tích đất trên là 6.500.000đ một mét ngang. Tổng cộng 18m ngang là 117.000.000đ. Bên ông V có trách nhiệm làm bì đồ cho bà T và bà T có trách nhiệm giao đủ số tiền trên. Lúc đó bà T đã giao đủ 117.000.000đ cho ông V, bà L, đồng thời ông V có ký tên xác nhận đã nhận đủ tiền. Thời điểm ngày 19/5/2009, hai bên sang nhượng có ra vị trí đất để cắm mốc ranh giới và tôi cũng có mặt tôi ở đó.

***Phần tranh luận:** Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày ý kiến tranh luận: Tại thời điểm sang nhượng ngày 19/5/2009 ông V và bà L nói có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi. Mãi năm 2011 tôi mới thấy ông V có sổ đỏ. Nguồn gốc đất ông V, bà L từ đâu mà có thì tôi không biết, tôi chỉ thấy ông V, bà L canh tác trên đất và tôi mua lại đất.

Sáu khi bán đất cho tôi, ông V và bà L có sang nhượng cho ai nữa hay không tôi không được biết, vì tôi nhận đất từ ngày 19/5/2009 và canh tác từ đó cho đến bây giờ, tôi không thấy có ai đến trên phần đất tôi đã mua và cũng không có tranh chấp đất với ai từ khi mua đến nay. Việc ông V, bà L tiếp tục chuyển nhượng đất cho người khác là không thể chấp nhận được, vì đất này đã bán cho tôi, vợ chồng ông V và bà L đã nhận đủ tiền của tôi. Nay tôi đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của tôi, công nhận hợp đồng sang nhượng ngày 19/5/2024 để nhà nước tách thửa sang tên cho tôi.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 BLTTDS; Bị đơn thực hiện không đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

* Về nội dung vụ án: Hồ sơ chưa làm rõ đất do bị đơn chuyển nhượng cho nguyên đơn nguồn gốc như thế nào. (Nhận chuyển nhượng từ ai, thời gian nào?...) để xác định tại thời điểm chuyển nhượng đất có phải do bị đơn đang canh tác sử dụng hợp pháp hay không?

Cụ thể: Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ngày 11/5/2010 ông **V**, bà **L** mới nhận chuyển nhượng thửa đất từ ông **Lê Văn N**, bà **Lê Thị T2**. Ngày 19/5/2009 đã làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà **Phạm Thị Thanh B** giấy viết tay. Như vậy, tại thời điểm chuyển nhượng đất cho bà **Phạm Thị T** chưa có tài liệu, chứng cứ nào cho thấy diện tích đất chuyển nhượng cho bà **Phạm Thị Thanh T3** quyền sở hữu của ông **V**, bà **L**. Như vậy, có căn cứ cho thấy hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/5/2009 vi phạm cả về hình thức lẫn nội dung. Do vậy không có đủ cơ sở để công nhận hay không công nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/5/2009 nói trên.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ nêu trên để đảm bảo giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị đơn cư trú tại **huyện C**. Tranh chấp này là Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, do đây là phiên tòa lần thứ hai nên HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét về hình thức hợp đồng: Ngày 19/5/2009 bà **Phạm Thị T** có lập hợp đồng nhận sang nhượng của vợ chồng ông **Hoàng Văn V**, bà **Nguyễn Thị L** một thửa đất diện tích 18m x 45m = 810m² tại **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, giá sang nhượng là 6.500.000 đồng/met. Tổng cộng 117.000.000đ (*Một trăm mười bảy triệu*). Hai bên thỏa thuận, ông **V** và bà **L** có trách nhiệm làm bì đồ giao cho bà **T**, còn bà **T** có trách nhiệm giao đủ số tiền sang nhượng cho ông **V** bà **L**. Hợp đồng chuyển nhượng là bản giấy viết tay do bà **Trần Thị H** (Người làm chứng) viết giùm cho hai bên, hợp đồng chưa được công chứng, đối tượng của hợp đồng là bất động sản, việc ký hợp đồng giữa các bên chưa đảm bảo về mặt hình thức, quy định tại khoản 2 Điều 119, Điều 502 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về nội dung của hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Cùng ngày lập hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/5/2009 bà **T** đã giao đủ số tiền sang nhượng 117.000.000đ, và ông **V**, bà **L** đã bàn giao đất cho bà **Thanh quân L1** sử dụng và trồng cây tiêu cho đến nay, không tranh chấp với ai, việc chuyển nhượng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nên mặc dù hợp đồng sang nhượng đất có vi phạm về mặt hình thức nhưng hợp đồng đã được các bên thực hiện quá 2/3 nội dung hợp đồng do đó hợp đồng không bị vô hiệu theo khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự.

[4] Về nguồn gốc đất và pháp lý thửa đất: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không hợp tác. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện C**, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm các bên lập hợp đồng chuyển nhượng (Ngày 19/5/2009), không thể hiện ông **V**, bà **L** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa? Ngày 11/5/2010 ông **V**, bà **L** nhận sang nhượng từ ông **Lê Văn N**, bà **Lê Thị T2** và được **UBND huyện C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 918241, thửa đất 227, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.972m² tại **xã E, huyện C**. Ngày 21/02/2011 ông **V** làm đơn xin tách thửa 277, và được tách thành hai thửa: Thửa 301, diện tích 1.092m² và thửa 277, diện tích 880m² cùng tờ bản đồ 36. Đến ngày 12/9/2022 ông **Hoàng Văn V** và bà **Nguyễn Thị L** tiếp tục chuyển nhượng thửa đất 301 tờ bản đồ 36 cho bà **Nguyễn Thị T4**, ông **Phan Đức N1**. Ngày 10/10/2023 bà **Nguyễn Thị T4**, ông **Phan Đức N1** chuyển nhượng lại cho ông **Hoàng Văn V1** và bà **Nguyễn Thị L**, cho đến nay phần diện tích đất bà **T2** nhận sang nhượng đang đứng tên ông **V** và bà **L**.

Mặc dù tại thời điểm chuyển nhượng ngày 19/5/2009, hồ sơ cấp đất không thể hiện ông **V**, bà **L** có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa? Nhưng việc bà **T2** nhận đất từ ông **V**, và bà **L**, đồng thời sử dụng đất ổn định từ khi nhận sang nhượng đến nay là có thật, có người làm chứng, đồng thời không có tranh chấp với ai. Do đó, HĐXX nhận định tại thời điểm chuyển nhượng ngày 19/5/2009 phần đất sang nhượng đang thuộc quyền sử dụng của ông **V**, bà **L**.

Đến nay ông **V** và bà **L** không làm thủ tục sang tên cho bà **Phạm Thị T** với lý do bà **T** còn nợ 10.000.000đ là không có căn cứ. Bởi lẽ, giấy sang nhượng đất thể hiện ông **V** đã nhận đủ số tiền 117.000.000đ, ông **V** thừa nhận chữ ký trong giấy sang nhượng là của vợ chồng ông **V**, đồng thời có bà **H** làm chứng. Ngoài ra ông **V**, bà **L** không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện bà **T** còn nợ số tiền trên.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất bà **Phạm Thị Thanh N2** sang nhượng của ông **V** và bà **L**, thể hiện bà **T** đang canh tác trên diện tích đất 796,5m² có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 251, cạnh dài 45m; Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất 301 có cạnh dài 45m; Phía Bắc giáp thửa 252, có cạnh dài 17,7m; Phía Nam giáp đường bê tông có cạnh dài 17,7m;

Việc ông **Hoàng Văn V** và bà **Nguyễn Thị L** không sang tên quyền sử dụng đất theo thỏa thuận trong hợp đồng sang nhượng là vi phạm nghĩa vụ của bên sang nhượng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị T**, công nhận hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/5/2009.

Quá trình đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông **V** và bà **L** đã đăng ký luôn phần đất đã chuyển nhượng cho bà **T**; ngày 14/10/2011 Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 952499, thửa đất số 301, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.092m² tại xã **E**, huyện **C** cho ông **Hoàng Văn V** và bà **Nguyễn Thị L**. Do đó, cần kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện **C** thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 952499, thửa đất số 301, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.092m² đã cấp cho ông **Hoàng Văn V**, bà **Nguyễn Thị L** để cấp lại theo đúng thực tế diện tích sử dụng đất cho các bên.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000đ.

Bà **Phạm Thị T** được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng đã chi phí sau khi thu được từ ông **Hoàng Văn V** và bà **Nguyễn Thị L**.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

* Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 116; Điều 117; khoản 2 Điều 119; Điều 129; Điều 500; Điều 501; Điều 502; điều 503 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 5; Điều 167; Điểm b khoản 1 Điều 169, điểm c khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị T.**

[1]. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/5/2009 giữa bên chuyển nhượng là ông **Hoàng Văn V.**, bà **Nguyễn Thị L.** và bên nhận chuyển nhượng bà **Phạm Thị T.** Bà **Phạm Thị T.** được quyền sử dụng đối với diện tích đất đã nhận sang nhượng theo đo đạc thực tế là 796,5m² nằm trong thửa số 301, tờ bản đồ 36, tại **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, diện tích đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa 251, cạnh dài 45m;

+ Phía Tây giáp phần diện tích đất còn lại của thửa đất 301, cạnh dài 45m;

+ Phía Bắc giáp thửa 252, có cạnh dài 17,7m;

+ Phía Nam giáp đường bê tông có cạnh dài 17,7m;

- Bà **Phạm Thị T.** có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 952499 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/10/2011, đứng tên quyền sử dụng đất ông **Hoàng Văn V.**, bà **Nguyễn Thị L.** để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thực tế sử dụng cho bà **Phạm Thị T.**

[2]. Về chi phí tố tụng: Buộc ông **Hoàng Văn V.** và bà **Nguyễn Thị L.** phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ. Bà **Phạm Thị T.** được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng sau khi thu được từ ông **Hoàng Văn V.** và bà **Nguyễn Thị L.**

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông **Hoàng Văn V.** và bà **Nguyễn Thị L.** phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Phạm Thị T.** được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0014748, ngày 13/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Bê Văn Toàn